**Mẫu số 1***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Áp dụng cho tất cả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 55 và Điều 59 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**(Các) nhà đầu tư đăng ký đầu tư ra nước ngoài với nội dung như sau:**

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Tên và thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất:...**

**2. Tên và thông tin về nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo *(nếu có):* ...**

*[**Cách ghi theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư này]*

**Đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo hình thức: ...**

*[nhà đầu tư lựa chọn hình thức đầu tư quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư 2014]*

**Ngoài ra, dự án có sự tham gia của đối tác nước ngoài *(nếu có):* ...**

*[ghi tên đối tác nước ngoài trong trường hợp đầu tư theo các hình thức tại Điểm a, b, đ, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014. Cách ghi: Đối với cá nhân: Ghi tên, quốc tịch, ID cá nhân hoặc tương đương, địa chỉ; Đối với pháp nhân: tên, nơi thành lập pháp nhân, số đăng ký pháp nhân hoặc tương đương, địa chỉ trụ sở; Đối với các tổ chức khác: ghi các thông tin tương tự pháp nhân]*

**II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**1. Tên dự án: ...**

*[Cách ghi:*

*- Nếu đầu tư theo hình thức tại Điểm a, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014: Ghi như sau: Dự án thành lập/tham gia thành lập công ty/chi nhánh của công ty.../(các hình thức tổ chức kinh tế khác) tại (tên nước)*

*- Nếu đầu tư theo hình thức tại Điểm b, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014: Ghi theo tên hợp đồng BCC*

*- Nếu đầu tư theo hình thức tại Điểm c, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014: Ghi như sau: Dự án mua lại phần vốn góp/góp thêm vốn/mua cổ phần/...của (tên tổ chức kinh tế ớ nước ngoài) tại (tên nước)*

*- Nếu đầu tư theo hình thức tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014: Nhà đầu tư tự ghi tên dự án của mình]*

**Tên tổ chức kinh tế thành lập ở nước ngoài: ...**

*[bắt buộc ghi rõ nếu đầu tư theo hình thức tại Điểm a và c, Khoản 1, Điều 52 Luật Đầu tư 2014]*

**Tên giao dịch *(nếu có):* ...**

**2. Địa chỉ trụ sở: ...**

**Địa điểm thực hiện hoạt động đầu tư: ...**

*[ghi địa chỉ ở nước ngoài, tên địa phương, nước vùng lãnh thổ. Địa chỉ được ghi kèm bằng tiếng Anh (nếu có)]*

**3. Mục tiêu hoạt động: ...**

*[ghi cụ thể các hoạt động sản xuất hoặc dịch vụ thực hiện]*

**Quy mô dự án *(nếu có)*: ...**

*[công suất, diện tích, khả năng cung ứng dịch vụ, khối lượng thương mại, doanh thu dự kiến...]*

**4. Vốn đầu tư ra nước ngoài:**

**4.1. Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài là ... (*bằng số và bằng chữ*) đồng ngoại tệ dùng để đầu tư.**

**Vốn đầu tư ra nước ngoài của (các) nhà đầu tư Việt Nam là *...(bằng số và bằng chữ)* đồng ngoại tệ dùng để đầu tư, tương đương *...(bằng số và bằng chữ)* đồng Việt Nam, tương đương *...(bằng số và bằng chữ)* đô la Mỹ.**

**4.2. Hình thức vốn góp:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hình thức vốn | Tên nhà đầu tư VN 1  *(ngoại tệ)* | Tên nhà đầu tư VN2  *(ngoại tệ)* | Tổng số *(ngoại tệ)* | Tỉ giá | Tương đương Đồng VN *(VNĐ)* |
| 1. Tiền mặt | (1) | (2) | (3)=(1)+(2)+.... | (4) | (5)=(3) x (4) |
| 2. Máy móc, thiết bị, hàng hóa |  |  |  |  |  |
| 3. Tài sản khác  *[ghi rõ]* |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng (1+2+3) |  |  |  |  |  |

**4.3. Nguồn vốn góp:**

*[Từng nhà đầu tư Việt Nam giải trình về nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài như sau]*

**(Tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:**

**- Vốn chủ sở hữu: ...**

**- Vốn vay: …**

**Dự kiến nguồn vay:** *Vay của tổ chức tín dụng (trong và ngoài nước)..., giá trị, thời hạn, lãi suất*.

*[đối với dự án sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài: Nếu sự phù hợp với quy định về quản lý và sử dụng vốn nhà nước.*

**(Tên nhà đầu tư) cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của dự án.**

**4.4. Nhu cầu sử dụng vốn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vốn đầu tư | Đồng ngoại tệ dùng để đầu tư | Tương đương Đồng Việt Nam |
| - Vốn cố định |  |  |
| Trong đó *(ghi các hạng mục dự kiến sử dụng vốn thực tế của dự án):* |  |  |
| + *(Ví dụ)* Xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi |  |  |
| + *(Ví dụ)* Máy móc, thiết bị |  |  |
| + *(Ví dụ)* Trang thiết bị văn phòng |  |  |
| + *(Ví dụ)* Các tài sản cố định khác |  |  |
| + … |  |  |
| - Vốn lưu động |  |  |
| Tổng cộng |  |  |

**4.5. Tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài dự kiến kể từ ngày hoàn thành đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:**

*[Từng nhà đầu tư Việt Nam dự kiến thời gian chuyển vốn ra nước ngoài]*

**5. Tiến độ thực hiện hoạt động đầu tư dự kiến kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài:**

- Hoàn thành thủ tục đầu tư tại nước ngoài: Tháng thứ ...

- Đi vào hoạt động: Tháng thứ ...

**6. Kiến nghị của nhà đầu tư (nếu có): ...**

**III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính trung thực của nội dung hồ sơ và hiệu quả đầu tư của dự án;

2. Chịu trách nhiệm về thẩm quyền, hình thức, giá trị pháp lý của quyết định đầu tư ra nước ngoài nộp trong hồ sơ;

3. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và quy định pháp luật của *...(tên quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư).*

**IV. HỒ SƠ KÈM THEO**

Các văn bản (theo quy định tại Điều 55 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Điều 9 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương của Quốc hội. Thủ tướng Chính phủ; hoặc Điều 59 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Điều 14 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài đối với các trường hợp còn lại);

- ………………………

- ………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại .... ngày ... tháng ... năm ... **Tên nhà đầu tư** Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) |